

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GR
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 9 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GR, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Nhạn

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nhị Hà - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Dự - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp A, xã PT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp A, xã PT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu. Trong cuộc sống chung thì vợ chồng thường bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và cũng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Do không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D. Về con chung, tài sản chung và nợ chung do không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn T có địa chỉ tại ấp A, xã PT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Nguyên đơn bà D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung:* Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã PT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08 tháng 6 năm 2010 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà D xác định trong cuộc sống chung vợ chồng thường bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

[5] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Xét thấy: Mối quan hệ hôn nhân của bà D và ông T không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng ông T không đến Tòa án. Việc ông T không đến Tòa án đã thể hiện ý chí không muốn hàn gắn tình cảm với bà D, đồng thời trong quá trình làm việc và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà D thể hiện là bà D vẫn kiên quyết ly hôn với ông T. Do đó, không có điều kiện để ông bà hàn gắn tình cảm, khả năng đoàn tụ là không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị D đối với ông Nguyễn Văn T.

[6] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà D đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001831 ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị D. Cho bà Nguyễn Thị D ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị D đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001831 ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. GR;
- CCTHADS Tx. GR;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhi